

Số: 1998/TB-UBND

Sầm Sơn, ngày 28 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả điểm xét tuyển viên chức ngành giáo dục
thành phố Sầm Sơn năm 2020

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Phương án số 576/PA-UBND ngày 27/02/2020 của UBND thành phố về việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục thành phố Sầm Sơn; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 29 /4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn về việc kiện toàn Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục thành phố Sầm Sơn.

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục thông báo kết quả điểm xét tuyển viên chức ngành giáo dục năm 2020, cụ thể như sau:

1. Kết quả điểm xét tuyển.

- Số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển: 277
- Số lượng thí sinh tham dự phỏng vấn: 264
- Số lượng thí sinh không tham dự phỏng vấn: 13

(Có Bảng tổng hợp kết quả điểm kèm theo)

2. Các thí sinh có kiến nghị về kết quả tính điểm xét tuyển gửi đơn đến Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục thành phố Sầm Sơn (*qua Phòng Nội vụ thành phố Sầm Sơn*) trước ngày 08/6/2020 để xem xét, giải quyết.

Lưu ý:

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn.
- Không giải quyết kiến nghị về kết quả tính điểm xét tuyển đối với đơn nhận được sau thời hạn quy định trên.

3. Xác định người trúng tuyển đối với các trường hợp có kết quả điểm xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng: Đối với các trường hợp có kết quả điểm xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- + Người có điểm phỏng vấn cao hơn.
- + Người có trình độ đào tạo cao hơn.
- + Người đang là giáo viên hợp đồng lao động tại các trường tiểu học, mầm non công lập trên địa bàn thành phố.

+ Người có điểm học tập ở trình độ chuyên môn đăng ký dự tuyển cao hơn.

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục thành phố thông báo nội dung trên để các thí sinh tham dự xét tuyển biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các thí sinh tham dự xét tuyển;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các thành viên Hội đồng xét tuyển;
- Công thông tin điện tử thành phố ;
- Lưu: HĐXT.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Bùi Quốc Đạt

TỔNG HỢP ĐIỂM XÉT TUYỂN
VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH PHỐ SẦM SƠN NĂM 2020
(Vị trí Giáo viên Văn hóa Tiểu học)

(Kèm theo Thông báo số 1998/HĐKT ngày 04/12/2020 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trần Thị Ái	22/02/1987	Thôn 1, Quảng Hùng, Sầm Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Tiểu học			TH01	Phòng 01	Ca sáng	Vắng		Vắng
2	Cầm Thị Lan Anh	10/10/1992	Phố Thanh Yên, Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH02	Phòng 01	Ca sáng	35	5	40
3	Phạm Thị Ngọc Anh	26/3/1997	Thuận Minh, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH03	Phòng 01	Ca sáng	70		70
4	Trần Thị Ngọc Anh	17/10/1997	Thôn Quyết Tiến, Xuân Cao, Thường Xuân	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH04	Phòng 01	Ca sáng	75		75
5	Trần Thị Bình	20/6/1983	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Tiểu học	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		TH05	Phòng 01	Ca sáng	65		65
6	Lê Thị Dung	15/6/1987	KP Phúc Đức, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Tiểu học	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		TH06	Phòng 01	Ca sáng	78		78
7	Dương Thùy Dung	04/02/1996	39/2 Lê Hữu Lập, KP Khánh Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH07	Phòng 01	Ca sáng	50		50
8	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/12/1997	Yên Thôn, Hà Hải, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Con thương binh	TH08	Phòng 01	Ca sáng	65	5	70
9	Lê Thị Duyên	08/01/1985	Quảng Trạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH09	Phòng 01	Ca sáng	75		75

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Nguyễn Thị Duyên	22/8/1996	Quảng Tiến, Sầm Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH10	Phòng 01	Ca sáng	83		83
11	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/8/1994	SN 08/22 Hải Triều, Trường Thi, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH11	Phòng 01	Ca sáng	80		80
12	Vi Thị Đào	19/12/1994	Bản Mè, Yên Khương, Lang Chánh, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH12	Phòng 01	Ca sáng	Vắng	5	Vắng
13	Lê Thị Giang	9/2/1990	312 Ngô Quyền, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH13	Phòng 01	Ca sáng	75		75
14	Hà Thị Giang	08/8/1997	07/54 Đông Khôi, phường Thanh Long, Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH14	Phòng 01	Ca sáng	60	5	65
15	Phạm Thùy Giang	28/12/1997	16 Cẩm Bá Thước, KP Sơn Lợi, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH15	Phòng 01	Ca sáng	80		80
16	Đào Thị Thu Hà	18/10/1998	62 Nguyễn Du, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học			TH16	Phòng 01	Ca sáng	20		20
17	Phạm Thu Hà	28/3/1996	Trường TH Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH17	Phòng 01	Ca sáng	Vắng	5	Vắng
18	Lưu Thị Hà	10/02/1991	Hải Ninh, Bến Sung, Như Thanh	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH18	Phòng 01	Ca sáng	77		77
19	Vũ Thị Hạnh	20/4/1979	SN 211 đường Trần Hưng Đạo, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	HD giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		TH19	Phòng 01	Ca sáng	85		85
20	Trịnh Thị Minh Hằng	01/02/1995	SN 13/2 Lê Hữu Lập, KP Khánh Sơn, bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH20	Phòng 01	Ca sáng	75		75

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Ngô Thị Hằng	30/4/1980	Thôn Tiến Thành, Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa	Cao đẳng	Sư phạm Tiểu học			TH21	Phòng 01	Ca sáng	75		75
22	Vũ Thị Hoa	02/4/1995	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH22	Phòng 01	Ca sáng	77		77
23	Viên Thị Hòa	27/7/1976	KP Đông Đức, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH23	Phòng 01	Ca sáng	75		75
24	Vũ Thị Hồng	30/12/1995	Xóm 6, Quảng Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH24	Phòng 01	Ca sáng	81		81
25	Quách Thị Hiền	26/5/1993	KP Tây Nam, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH25	Phòng 01	Ca sáng	20	5	25
26	Phạm Văn Hùng	02/9/1979	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Tiểu học			TH26	Phòng 01	Ca chiều	50		50
27	Phạm Thanh Huyền	06/3/1993	08 Lê Hữu Lập, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH27	Phòng 01	Ca chiều	65		65
28	Hoàng Thị Thanh Huyền	10/02/1980	Số 64, Đình Hương, Đông Cương, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH28	Phòng 01	Ca chiều	65		65
29	Lê Thị Hương	10/12/1991	Tổ dân phố An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Tiểu học			TH29	Phòng 01	Ca chiều	65		65
30	Trương Kim Liên	21/01/1997	Thôn Trịch, Thiết Ống, Bá Thước	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH30	Phòng 01	Ca chiều	0	5	5
31	Nguyễn Hạnh Linh	14/3/1998	Thôn Bái Tôm, Điền Quang, Bá Thước	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học			TH31	Phòng 01	Ca chiều	40		40
32	Trịnh Thị Thùy Minh	28/10/1986	07 ngõ Phú Lập, Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Tiểu học			TH32	Phòng 01	Ca chiều	76		76

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
33	Nguyễn Thị Nga	11/8/1997	Thôn 8, Quảng Phú, Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Tiểu học			TH33	Phòng 01	Ca chiều	76		76
34	Trần Thị Ngân	02/10/1995	17/44, Lê Hoàn, Điện Biên, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH34	Phòng 01	Ca chiều	40		40
35	Lê Thị Ngọc	05/3/1991	KP Phú Khang, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Dân tộc thiểu số	TH35	Phòng 01	Ca chiều	55	5	60
36	Lê Thị Minh Phượng	26/4/1984	15/134 Đỗ Đại, Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH36	Phòng 01	Ca chiều	78		78
37	Nguyễn Thị Thanh Tâm	03/01/1983	Quảng Tiến, Sầm Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		TH37	Phòng 01	Ca chiều	82		82
38	Trần Thị Thanh	30/10/1987	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH38	Phòng 01	Ca chiều	60		60
39	Lê Thị Thu	20/10/1985	SN 228/4 Khu phố I, thị trấn Quảng Xương	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH39	Phòng 01	Ca chiều	Vắng		Vắng
40	Vũ Thị Thuận	18/6/1991	KP Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Con thương binh	TH40	Phòng 01	Ca chiều	55	5	60
41	Nguyễn Thị Thùy	20/7/1980	Thôn Tiên Thọ, Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH41	Phòng 01	Ca chiều	65		65
42	Vũ Thị Anh Thư	4/1/1994	KP Kinh Trung, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học			TH42	Phòng 01	Ca chiều	Vắng		Vắng

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ SÀM SƠN NĂM 2020
(Vị trí Giáo viên Mầm non)
(Kèm theo Thông báo số 198 /HĐXT ngày 28/7/2020 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trần Thị Anh	28/7/1993	Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN01	Phòng 02	Ca sáng	68		68
2	Vũ Thị Lan Anh	3/23/1996	69 A, đường Nguyễn Sỹ Dũng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN02	Phòng 02	Ca sáng	Vắng		Vắng
3	Viên Thị Ngọc Ánh	07/3/1991	Thôn Trường Thịnh, Quảng Minh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN03	Phòng 02	Ca sáng	52		52
4	Lê Thị Ánh	22/02/1985	KP Bình Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN04	Phòng 02	Ca sáng	51		51
5	Nguyễn Thị Chang	16/10/1986	KP Thanh Minh, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN05	Phòng 02	Ca sáng	65		65
6	Trương Thị Châu	15/4/1985	KP Vinh Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		MN06	Phòng 02	Ca sáng	71		71
7	Cao Ngọc Chinh	18/10/1997	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN07	Phòng 02	Ca sáng	56		56

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng văn	Thời gian phòng văn	Điểm phòng văn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
8	Lê Thị Chung	12/8/1991	KP Châu Bình, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN08	Phòng 02	Ca sáng	74		74
9	Vũ Thị Chung	21/11/1993	KP Dũng Liên, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN09	Phòng 02	Ca sáng	68		68
10	Viên Thị Chung	12/7/1986	KP Nam Bắc, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN10	Phòng 02	Ca sáng	50		50
11	Lê Thị Cúc	02/5/1982	Thôn 5, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN11	Phòng 02	Ca sáng	75		75
12	Trần Thị Đào	12/7/1988	KP Yên Trạch, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN12	Phòng 02	Ca sáng	69		69
13	Lường Thị Điền	22/10/1989	KP Tiến Lợi, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN13	Phòng 02	Ca sáng	49		49
14	Hà Thị Dự	20/7/1987	Hà Văn Đề, Tiến Long, Cẩm Phú, Cẩm Thủy	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Dân tộc thiểu số	MN14	Phòng 02	Ca sáng	48	5	53
15	Cao Thị Thùy Dung	02/6/1997	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN15	Phòng 02	Ca sáng	64		64
16	Lê Thùy Dung	01/10/1993	Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN16	Phòng 02	Ca sáng	51		51
17	Bùi Thị Lệ Dung	17/4/1993	KP Thanh Minh, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo NĐ 06 của CP	Con bệnh binh	MN17	Phòng 02	Ca sáng	67	5	72

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
18	Ngô Thị Dung	12/4/1987	KP Trung Thịnh, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN18	Phòng 02	Ca sáng	35		35
19	Nguyễn Thị Dung	25/12/1988	KP Châu Phương, Quảng Châu, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con thương binh	MN19	Phòng 02	Ca sáng	36	5	41
20	Viên Thị Dung	20/6/1984	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN20	Phòng 02	Ca sáng	52		52
21	Lê Thị Dung	01/10/1988	KP Phú Khang, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN21	Phòng 02	Ca sáng	71		71
22	Hoàng Thị Dung	15/8/1987	KP Hồng Hải, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN22	Phòng 02	Ca sáng	65		65
23	Nguyễn Thị Dung	12/01/1990	KP Vạn Lợi, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN23	Phòng 02	Ca sáng	51		51
24	Văn Thị Dung	06/10/1985	KP Quang Minh, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN24	Phòng 02	Ca sáng	32		32
25	Lê Thị Duyên	18/11/1986	Số 12, Tô Hiến Thành, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN25	Phòng 02	Ca sáng	70		70
26	Nguyễn Thị Duyên	14/4/1985	KP Sơn Thủy, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con thương binh	MN26	Phòng 02	Ca chiều	31	5	36
27	Trần Thị Hương Giang	05/4/1995	Quảng Minh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN27	Phòng 02	Ca chiều	70		70

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
28	Trần Thị Giang	08/8/1994	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN28	Phòng 02	Ca chiều	71		71
29	Hoàng Thị Linh Giang	16/10/1994	KP Châu Lạc, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN29	Phòng 02	Ca chiều	55		55
30	Phạm Thị Hương Giang	29/8/1983	KP Đông Đức, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN30	Phòng 02	Ca chiều	71		71
31	Lê Thị Giang	06/10/1985	KP Khanh Tiến, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN31	Phòng 02	Ca chiều	42		42
32	Nguyễn Thị Thu Hà	01/5/1988	KP Trung Chính, Quảng Cư, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo NĐ 06 của CP		MN32	Phòng 02	Ca chiều	72		72
33	Cao Thị Hà	16/7/1987	KP Minh Cát, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN33	Phòng 02	Ca chiều	70		70
34	Nguyễn Thị Hà	12/10/1985	KP Trung Chính, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN34	Phòng 02	Ca chiều	60		60
35	Lê Thị Hà	03/5/1993	KP Trung Kinh, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN35	Phòng 03	Ca sáng	89		89
36	Tô Thị Lệ Hải	02/9/1988	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN36	Phòng 03	Ca sáng	34.5		34.5
37	Nguyễn Thị Hải	20/6/1986	KP Xuân Thượng, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN37	Phòng 03	Ca sáng	82		82

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo đanh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
38	Chu Thị Hân	13/8/1992	KP Thu Hào, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN38	Phòng 03	Ca sáng	65		65
39	Nguyễn Thị Hằng	27/8/1982	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN39	Phòng 03	Ca sáng	91.5		91.5
40	Nguyễn Thị Thanh Hằng	09/10/1994	KP Hải Vượng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN40	Phòng 03	Ca sáng	47		47
41	Vũ Thị Hằng	19/8/1986	KP Trung Thịnh, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN41	Phòng 03	Ca sáng	90	5	95
42	Lê Thị Hằng	27/02/1987	KP Ninh Thành, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN42	Phòng 03	Ca sáng	75		75
43	Lê Thị Hằng	06/7/1984	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN43	Phòng 03	Ca sáng	62		62
44	Lê Thị Hằng	01/01/1990	Quảng Lộc, Quảng Xương	Đại học	Giáo dục Mầm non		Con bệnh binh	MN44	Phòng 03	Ca sáng	Vắng	5	Vắng
45	Đỗ Thị Hằng	15/3/1985	KP Kiều Đại, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN45	Phòng 03	Ca sáng	88	5	93
46	Lê Thị Hằng	15/3/1996	KP Nam Bắc, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo NĐ 06 của TTCP		MN46	Phòng 03	Ca sáng	43.5		43.5
47	Đỗ Thị Hằng	10/01/1990	KP Kiều Đại, Quảng Châu, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN47	Phòng 03	Ca sáng	59		59

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
48	Hoàng Thị Hằng	30/5/1986	KP Khánh Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN48	Phòng 03	Ca sáng	58		58
49	Nguyễn Thị Hằng	05/6/1984	36 Nguyễn Du, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN49	Phòng 03	Ca sáng	77		77
50	Nguyễn Thị Hằng	09/10/1992	KP Châu Giang, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN50	Phòng 03	Ca sáng	66		66
51	Nguyễn Thị Hằng	24/01/1994	KP Thượng Du, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN51	Phòng 03	Ca sáng	62		62
52	Võ Thị Mỹ Hạnh	25/10/1993	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo NĐ 06 của CP		MN52	Phòng 03	Ca sáng	40		40
53	Lường Thị Hạnh	23/3/1991	KP Hải Vượng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN53	Phòng 03	Ca sáng	96.5		96.5
54	Dương Thị Hạnh	16/8/1989	KP Thọ Xuân, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN54	Phòng 03	Ca sáng	53		53
55	Nguyễn Thị Hạnh	05/5/1985	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN55	Phòng 03	Ca sáng	72	5	77
56	Cao Thị Hào	14/9/1985	KP Bắc Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	MN56	Phòng 03	Ca sáng	72	5	77

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
48	Hoàng Thị Hằng	30/5/1986	KP Khánh Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN48	Phòng 03	Ca sáng	58		58
49	Nguyễn Thị Hằng	05/6/1984	36 Nguyễn Du, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN49	Phòng 03	Ca sáng	77		77
50	Nguyễn Thị Hằng	09/10/1992	KP Châu Giang, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN50	Phòng 03	Ca sáng	66		66
51	Nguyễn Thị Hằng	24/01/1994	KP Thượng Du, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN51	Phòng 03	Ca sáng	62		62
52	Võ Thị Mỹ Hạnh	25/10/1993	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HD theo ND 06 của CP		MN52	Phòng 03	Ca sáng	40		40
53	Lường Thị Hạnh	23/3/1991	KP Hải Vượng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN53	Phòng 03	Ca sáng	96.5		96.5
54	Dương Thị Hạnh	16/8/1989	KP Thọ Xuân, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN54	Phòng 03	Ca sáng	53		53
55	Nguyễn Thị Hạnh	05/5/1985	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN55	Phòng 03	Ca sáng	72	5	77
56	Cao Thị Hào	14/9/1985	KP Bắc Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	MN56	Phòng 03	Ca sáng	72	5	77

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đôi trượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
57	Lê Thị Hiền	20/10/1988	KP Trung Mới, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN57	Phòng 03	Ca sáng	96.5		96.5
58	Lê Thị Hiền	28/11/1985	KP Đồn Trại, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN58	Phòng 03	Ca sáng	65		65
59	Lê Thị Hiền	10/02/1988	KP Quang Giáp, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN59	Phòng 03	Ca sáng	65		65
60	Bùi Thị Hiền	10/01/1986	KP Vĩnh Thành, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN60	Phòng 03	Ca chiều	56		56
61	Văn Thị Hiền	20/8/1985	KP Khanh Tiến, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN61	Phòng 03	Ca chiều	60		60
62	Nguyễn Thị Hoa	05/12/1984	KP Châu Phương, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con liệt sỹ	MN62	Phòng 03	Ca chiều	49	5	54
63	Vũ Thị Hoa	05/6/1985	KP Thanh Thái, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN63	Phòng 03	Ca chiều	66		66
64	Cao Thị Hoa	17/01/1991	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN64	Phòng 03	Ca chiều	61		61
65	Nguyễn Thị Hòa	26/6/1988	KP Công Vinh, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN65	Phòng 03	Ca chiều	53		53
66	Dương Thị Hoài	08/10/1996	Vạn Thành, Thăng Long, Nông Công	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN66	Phòng 03	Ca chiều	78		78

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đội tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
67	Lê Thị Hồng	08/01/1987	KP Châu Lạc, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN67	Phòng 03	Ca chiều	64		64
68	Lê Thị Hồng	12/12/1986	KP Minh Trại, Quảng Thành, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN68	Phòng 03	Ca chiều	65		65
69	Nguyễn Thị Hồng	01/5/1990	KP Đồn Trại, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN69	Phòng 04	Ca sáng	50		50
70	Lê Thị Thanh Huệ	04/11/1989	KP Quang Giáp, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con bệnh bình	MN70	Phòng 04	Ca sáng	74	5	79
71	Trần Thị Huệ	18/6/1997	KP Khánh Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN71	Phòng 04	Ca sáng	60		60
72	Hoàng Thị Huệ	06/4/1985	Thôn 5, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN72	Phòng 04	Ca sáng	77		77
73	Nguyễn Thị Huệ	10/6/1987	KP Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN73	Phòng 04	Ca sáng	60		60
74	Nguyễn Thị Huệ	05/6/1988	KP Sơn Hải, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN74	Phòng 04	Ca sáng	50		50
75	Võ Thị Hương	25/10/1989	KP Thành Ngọc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN75	Phòng 04	Ca sáng	75.5		75.5
76	Phạm Thị Hương	20/01/1987	Quảng Minh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN76	Phòng 04	Ca sáng	45		45

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
77	Viên Thị Hương	06/10/1984	KP Thành Thắng, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN77	Phòng 04	Ca sáng	55		55
78	Trần Thị Hương	29/7/1987	Thôn 5, Quảng Thái, Quảng Xương	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con thương binh	MN78	Phòng 04	Ca sáng	Vắng	5	Vắng
79	Đỗ Thị Thu Hương	10/4/1997	KP Kinh Trung, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN79	Phòng 04	Ca sáng	66.5		66.5
80	Nguyễn Thị Hương	18/02/1992	KP Khánh Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN80	Phòng 04	Ca sáng	70		70
81	Hoàng Thị Hương	25/8/1997	Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN81	Phòng 04	Ca sáng	48		48
82	Văn Thị Lan Hương	27/8/1997	KP Thành Thắng, Quảng Cư, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm giáo dục Mầm non			MN82	Phòng 04	Ca sáng	60		60
83	Trần Thị Hường	27/7/1993	KP Thanh Minh, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN83	Phòng 04	Ca sáng	65		65
84	Đỗ Thị Hường	13/02/1985	KP Thọ Thông, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo ND 06 của CP	Con thương binh	MN84	Phòng 04	Ca sáng	66.5	5	71.5
85	Dư Thị Huyền	15/5/1991	Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN85	Phòng 04	Ca sáng	80	5	85
86	Mai Thị Khánh Huyền	09/7/1996	Thôn Tiến Thành, Quảng Tâm, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN86	Phòng 04	Ca sáng	Vắng		Vắng

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đôi trượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
87	Nguyễn Thị Huyền	12/10/1993	KP Hoan Kinh, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN87	Phòng 04	Ca sáng	65		65
88	Nguyễn Thị Khánh	06/7/1989	KP Vinh Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN88	Phòng 04	Ca sáng	60		60
89	Phạm Thị Lam	27/02/1980	KP Thanh Thái, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN89	Phòng 04	Ca sáng	60		60
90	Hoàng Thị Tô Lan	06/01/1988	Thôn 4, Quảng Cát, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN90	Phòng 04	Ca sáng	80		80
91	Mai Thị Lan	04/12/1994	Xóm 1, Nga Thanh, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN91	Phòng 04	Ca sáng	35		35
92	Nguyễn Thị Lê	25/12/1977	Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN92	Phòng 04	Ca sáng	75		75
93	Phạm Thị Nhật Lệ	08/4/1991	Số 184 Nguyễn Du, KP Bắc Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN93	Phòng 04	Ca sáng	55		55
94	Nguyễn Thị Liên	06/3/1990	KP Sơn Lợi, Trường Sơn, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN94	Phòng 04	Ca chiều	63		63
95	Dương Thị Liên	20/4/1985	KP Vạn Lợi, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN95	Phòng 04	Ca chiều	90	5	95

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đội tượng ưu tiên công điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
96	Nguyễn Thị Liên	01/8/1984	Thôn 8, Quảng Hải, Quảng Xương	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN96	Phòng 04	Ca chiều	79		79
97	Đỗ Thị Liên	04/4/1987	KP Châu Giang, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN97	Phòng 04	Ca chiều	55		55
98	Phùng Thị Liễu	28/10/1981	Thôn Huệ Nghiêm, Quảng Đại, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN98	Phòng 04	Ca chiều	75		75
99	Lê Thị Linh	13/8/1994	KP Châu Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN99	Phòng 04	Ca chiều	76		76
100	Lê Thị Linh	17/01/1991	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN100	Phòng 04	Ca chiều	76.5		76.5
101	Trần Thị Hồng Linh	20/01/1992	Quảng Thái, Quảng Xương	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con bệnh binh	MN101	Phòng 04	Ca chiều	Vắng	5	Vắng
102	Nguyễn Thị Linh	24/3/1992	KP Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN102	Phòng 04	Ca chiều	75		75
103	Văn Thị Mỹ Linh	14/3/1995	KP Hoan Kính, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN103	Phòng 05	Ca sáng	35		35
104	Nguyễn Thị Loan	08/8/1993	Thôn Phú Xá, Quảng Đại, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN104	Phòng 05	Ca sáng	60		60
105	Ngô Thị Loan	29/3/1983	KP Tân Lập, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN105	Phòng 05	Ca sáng	70		70

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
106	Trần Thị Loan	01/10/1989	KP Lập Công, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN106	Phòng 05	Ca sáng	78		78
107	Lê Thị Loan	04/8/1990	KP Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN107	Phòng 05	Ca sáng	75		75
108	Hoàng Thị Luận	21/5/1986	KP Thành Yên, Quảng Thành, TP Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non		Con thương binh	MN108	Phòng 05	Ca sáng	40	5	45
109	Hà Thị Lược	01/01/1990	KP Bắc Nam, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Dân tộc thiểu số	MN109	Phòng 05	Ca sáng	50	5	55
110	Nguyễn Thị Ly	16/12/1986	KP An Chính, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN110	Phòng 05	Ca sáng	40		40
111	Nguyễn Huyền Mai	12/4/1997	Thôn 5, Quảng Cát, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN111	Phòng 05	Ca sáng	35		35
112	Văn Thị Mai	10/9/1986	KP Sơn Hải, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN112	Phòng 05	Ca sáng	67		67
113	Nguyễn Thị Mai	05/10/1987	Thôn 4, Quảng Cát, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN113	Phòng 05	Ca sáng	78		78
114	Lê Thị Mai	24/01/1994	KP Đồn Trại, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN114	Phòng 05	Ca sáng	38		38
115	Lương Thị Mão	14/10/1987	KP Vĩnh Thành, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Dân tộc thiểu số	MN115	Phòng 05	Ca sáng	55	5	60

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đổi tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
116	Nguyễn Thị Minh	17/12/1984	KP Vĩnh Thành, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non			MN116	Phòng 05	Ca sáng	50		50
117	Văn Thị Minh	24/5/1984	KP Lập Công, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN117	Phòng 05	Ca sáng	68		68
118	Lê Thị Mơ	02/01/1984	Tân Trọng, Quảng Thành, TP Thanh Hóa	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN118	Phòng 05	Ca sáng	40		40
119	Nguyễn Thị Trà My	08/11/1984	Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN119	Phòng 05	Ca sáng	62		62
120	Vũ Thị Trà My	06/9/1997	Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN120	Phòng 05	Ca sáng	50		50
121	Phạm Thị Nga	28/11/1986	KP Tây Nam, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo ND 06 của TTCP	Con bệnh binh	MN121	Phòng 05	Ca sáng	56	5	61
122	Bùi Thị Nga	16/12/1993	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN122	Phòng 05	Ca sáng	60		60
123	Ngô Thị Tố Nga	13/9/1984	KP Thành Ngọc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN123	Phòng 05	Ca sáng	40		40
124	Thừa Thị Nga	06/5/1991	Thôn Phú Xá, Quảng Đại, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN124	Phòng 05	Ca sáng	80		80
125	Lê Thị Nga	24/12/1982	KP Vinh Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN125	Phòng 05	Ca sáng	75		75

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đôi tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
126	Trần Thị Nga	10/6/1986	SN 03/20 Nguyễn Mộng Tuấn, Nam Ngạn, Thành Phố Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN126	Phòng 05	Ca sáng	Vắng		Vắng
127	Nguyễn Thị Ngân	06/02/1991	Thôn 4, Quảng Giao, Quảng Xương	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN127	Phòng 05	Ca sáng	70		70
128	Lê Thị Nghĩa	10/3/1984	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN128	Phòng 05	Ca chiều	45		45
129	Đặng Thị Ngọc	15/6/1983	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con bệnh binh	MN129	Phòng 05	Ca chiều	60	5	65
130	Lê Thị Ngọc	11/02/1985	Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con bệnh binh	MN130	Phòng 05	Ca chiều	69	5	74
131	Phạm Thị Ngọc	20/11/1986	KP Khang Thái, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Người dân tộc thiểu số	MN131	Phòng 05	Ca chiều	30	5	35
132	Văn Thị Ngọc	04/10/1988	KP Hòa Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN132	Phòng 05	Ca chiều	40	5	45
133	Lê Thị Bích Ngọc	23/10/1991	KP Yên Trạch, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN133	Phòng 05	Ca chiều	42		42
134	Nguyễn Thị Nguyệt	13/11/1978	KP Minh Cát, Quảng Cư, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN134	Phòng 05	Ca chiều	52		52

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. ND 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
135	Nguyễn Thị Nhung	18/11/1990	KP Lập Công, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN135	Phòng 05	Ca chiều	68		68
136	Phạm Thị Nương	13/6/1986	KP Hưng Thông, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non		Người dân tộc thiểu số	MN136	Phòng 05	Ca chiều	40	5	45
137	Hà Thị Oanh	26/4/1992	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN137	Phòng 06	Ca sáng	64.5		64.5
138	Nguyễn Thị Oanh	05/6/1987	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN138	Phòng 06	Ca sáng	57.5		57.5
139	Ngô Thị Oanh	16/8/1990	KP Vinh Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN139	Phòng 06	Ca sáng	92.5		92.5
140	Lê Thị Phương	14/8/1993	KP Kinh Trung, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo ND 06 của CP		MN140	Phòng 06	Ca sáng	56		56
141	Nguyễn Thị Phương	28/02/1995	Thôn Hòa Đông, Quảng Đại, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN141	Phòng 06	Ca sáng	5,0		0
142	Trương Thị Phương	28/12/1987	Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non			MN142	Phòng 06	Ca sáng	72.5		72.5
143	Lê Thị Mai Phương	08/5/1995	KP Hồng Thắng, Quảng Cư, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN143	Phòng 06	Ca sáng	82		82
144	Cao Thị Phương	20/02/1985	KP Sơn Thắng, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con liệt sỹ	MN144	Phòng 06	Ca sáng	78.5	5	83.5

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đôi tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
145	Đỗ Thị Phương	20/3/1985	KP Trung Thịnh, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN145	Phòng 06	Ca sáng	86.5		86.5
146	Trần Thị Phương	27/7/1995	Thôn 2, Quảng Cát, TP Thanh Hóa	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN146	Phòng 06	Ca sáng	37.5		37.5
147	Trần Thị Phương	02/8/1991	Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN147	Phòng 06	Ca sáng	56		56
148	Cao Thị Phương	07/3/1984	Số 13, đường Tây Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN148	Phòng 06	Ca sáng	87.5		87.5
149	Cao Thị Phương	19/4/1993	KP Tài Lộc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN149	Phòng 06	Ca sáng	57		57
150	Nguyễn Thị Phương	11/10/1988	KP Hoan Kỉnh, Trung Sơn, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN150	Phòng 06	Ca sáng	89		89
151	Trần Thị Lan Phương	01/11/1999	KP Phúc Đức, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN151	Phòng 06	Ca sáng	86.5		86.5
152	Trần Thị Phương	16/10/1988	KP Khang Phú, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN152	Phòng 06	Ca sáng	62.5		62.5
153	Nguyễn Thị Phương	05/10/1987	KP Hòa Sơn, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN153	Phòng 06	Ca sáng	77	5	82
154	Lê Thị Phương	22/8/1985	KP Đồn Trại, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN154	Phòng 06	Ca sáng	77.5		77.5

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
155	Nguyễn Thị Phương	20/9/1988	KP Thọ Khang, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN155	Phòng 06	Ca sáng	94.5		94.5
156	Thiều Thị Ngọc Phương	05/11/1993	KP Đồng Xuân, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN156	Phòng 06	Ca sáng	82		82
157	Trịnh Thị Quế	08/3/1980	Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN157	Phòng 06	Ca sáng	90	5	95
158	Nguyễn Thị Quỳnh	21/8/1992	KP Tân Lập, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		MN158	Phòng 06	Ca sáng	88.5		88.5
159	Văn Thị Quỳnh	05/6/1994	KP Vĩnh Thành, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN159	Phòng 06	Ca sáng	52.5		52.5
160	Nguyễn Thị Quỳnh	14/9/1995	KP Hoan Kỉnh, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN160	Phòng 06	Ca sáng	32		32
161	Cao Thị Quỳnh	13/5/1987	KP Trung Thịnh, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN161	Phòng 06	Ca sáng	50		50
162	Lê Thị Sâm	05/5/1982	KP Lương Thiện, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN162	Phòng 06	Ca chiều	45		45
163	Lê Thị Sen	10/10/1990	KP Thọ Xuân, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN163	Phòng 06	Ca chiều	80.5		80.5

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đôi trọng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
164	Lê Thị Tâm	12/3/1989	KP Thanh Thái, Quảng Cư, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Giáo dục Mầm non		Con thương binh	MN164	Phòng 06	Ca chiều	30.5	5	35.5
165	Lê Thị Tâm	08/10/1987	Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN165	Phòng 06	Ca chiều	Vắng		Vắng
166	Nguyễn Thị Thanh	06/9/1993	KP Hải Thành, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN166	Phòng 06	Ca chiều	60.5		60.5
167	Nguyễn Thị Thảo	14/7/1989	Thôn Phú Xá, Quảng Đại, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN167	Phòng 06	Ca chiều	64.5		64.5
168	Vũ Thị Phương Thảo	21/02/1989	Thôn Kênh Lâm, Quảng Đại, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN168	Phòng 06	Ca chiều	45		45
169	Lê Thị Thảo	06/02/1985	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN169	Phòng 06	Ca chiều	50.5		50.5
170	Nguyễn Thị Thảo	05/02/1984	Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN170	Phòng 07	Ca sáng	65		65
171	Nguyễn Thị Thảo	14/7/1993	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN171	Phòng 07	Ca sáng	51		51
172	Nguyễn Thị Thảo	15/9/1994	KP Châu Thành, Quảng Châu, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN172	Phòng 07	Ca sáng	31		31
173	Lê Thị Thảo	24/4/1984	251 đường Ngô Quyền, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN173	Phòng 07	Ca sáng	50		50

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
174	Lê Thị Phương Thảo	07/7/1994	KP Đài Trúc, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN174	Phòng 07	Ca sáng	50		50
175	Trần Thị Thảo	26/8/1988	SN 20, đường Đoàn Thị Điểm, KP Tài Lộc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN175	Phòng 07	Ca sáng	80		80
176	Trần Thị Thảo	03/8/1997	KP Đông Đức, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non			MN176	Phòng 07	Ca sáng	15		15
177	Văn Thị Thêm	16/8/1991	KP Nam Hải, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN177	Phòng 07	Ca sáng	27		27
178	Hà Thị Thiệp	20/11/1986	Thôn 3, Quảng Minh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Người dân tộc thiểu số	MN178	Phòng 07	Ca sáng	50	5	55
179	Đặng Thị Thoa	20/7/1986	Thôn Trường Thịnh, Quảng Minh, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non			MN179	Phòng 07	Ca sáng	80		80
180	Nguyễn Thị Thơm	28/9/1985	KP Sơn Lợi, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con bệnh binh	MN180	Phòng 07	Ca sáng	50	5	55
181	Hà Thị Thu	07/9/1986	KP Thành Ngọc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN181	Phòng 07	Ca sáng	60		60
182	Hồ Thị Thu	15/3/1993	KP Quang Giáp, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN182	Phòng 07	Ca sáng	7,0		0

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
183	Lê Thị Diệu Thu	10/4/1993	KP Kinh Trung, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con bệnh binh	MN183	Phòng 07	Ca sáng	25	5	30
184	Dương Thị Thu	08/11/1998	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN184	Phòng 07	Ca sáng	56		56
185	Đoàn Thị Thu	10/5/1995	KP Châu Thành, Quảng Châu, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN185	Phòng 07	Ca sáng	80		80
186	Nguyễn Thị Thu	13/6/1994	Thôn 10, Quảng Hải, Quảng Xương	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo NĐ 06 của CP		MN186	Phòng 07	Ca sáng	58		58
187	Phạm Thị Vân Thu	22/10/1984	KP Sơn Thủy, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con thương binh	MN187	Phòng 07	Ca sáng	15	5	20
188	Cao Thị Thuận	02/02/1984	KP Tài Lộc, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN188	Phòng 07	Ca sáng	15		15
189	Nguyễn Thị Thúy	10/12/1985	KP Sơn Lợi, Trường Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN189	Phòng 07	Ca sáng	45		45
190	Văn Thị Thúy	10/6/1992	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN190	Phòng 07	Ca sáng	7,0		0
191	Nguyễn Thị Thúy	03/5/1982	KP Công Vinh, Quảng Cư, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non			MN191	Phòng 07	Ca sáng	57		57
192	Thừa Thị Thúy	20/5/1987	Thôn Thủ Phú, Quảng Đại, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN192	Phòng 07	Ca sáng	45		45

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
193	Lê Thị Thúy	15/6/1988	Thôn Chiến Thắng, Quảng Tâm, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN193	Phòng 07	Ca sáng	80		80
194	Phạm Thị Thúy	13/11/1986	KP Quang Vinh, Quảng Cư, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN194	Phòng 07	Ca sáng	10		10
195	Nguyễn Thị Thùy	18/12/1986	Phú Quý, Quảng Tâm, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN195	Phòng 07	Ca chiều	86		86
196	Chu Thị Thùy	20/8/1986	KP Châu Phương, Quảng Châu, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN196	Phòng 07	Ca chiều	50		50
197	Nguyễn Thị Thùy	02/9/1990	SN 27 đường Trần Quảng Khải, Quảng Tiền	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN197	Phòng 07	Ca chiều	30		30
198	Lường Thị Thủy	19/01/1995	Bắc Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN198	Phòng 07	Ca chiều	80		80
199	Viên Thị Thủy	23/6/1995	KP Vạn Lợi, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN199	Phòng 07	Ca chiều	80		80
200	Văn Thị Thủy	10/10/1983	SN 09, đường Tô Hiển Thành, Trường Sơn, Sầm Sơn Thanh Hóa	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN200	Phòng 07	Ca chiều	80		80
201	Vũ Thị Thủy	22/01/1996	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN201	Phòng 07	Ca chiều	80		80

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phòng vấn	Thời gian phòng vấn	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
202	Lường Thị Thủy	10/12/1989	KP Vĩnh Thành, Trung Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		MN202	Phòng 07	Ca chiều	12		12
203	Hoàng Thị Kiều Trang	12/02/1990	Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN203	Phòng 08	Ca sáng	34		34
204	Vũ Minh Trang	10/9/1994	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN204	Phòng 08	Ca sáng	34		34
205	Nguyễn Ngọc Trang	16/5/1991	Thôn 6, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN205	Phòng 08	Ca sáng	81		81
206	Ngô Thị Trang	25/11/1995	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN206	Phòng 08	Ca sáng	42		42
207	Đào Huyền Trang	20/10/1990	KP Đồn Trại, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN207	Phòng 08	Ca sáng	80		80
208	Hồ Huyền Trang	02/12/1996	Thôn Trường Thịnh, Quảng Minh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non			MN208	Phòng 08	Ca sáng	81		81
209	Phạm Thị Trang	20/01/1995	KP Đông Đức, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN209	Phòng 08	Ca sáng	50		50
210	Nguyễn Thị Trang	21/5/1990	Số 08 Nguyễn Công Trứ, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN210	Phòng 08	Ca sáng	76		76

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
211	Phạm Thị Tuyền	10/02/1990	Thôn 4, Quảng Giao, Quảng Xương	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN211	Phòng 08	Ca sáng	12		12
212	Đinh Thị Hồng Tuyền	18/5/1996	325 Trần Hưng Đạo, Nam Ngạn, TP Thanh Hóa	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN212	Phòng 08	Ca sáng	75		75
213	Quách Thị Tuyền	03/8/1986	KP Thanh Minh, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Người dân tộc thiểu số	MN213	Phòng 08	Ca sáng	69	5	74
214	Viên Thị Tuyết	04/3/1986	Thôn Huệ Nghiêm, Quảng Đại, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN214	Phòng 08	Ca sáng	85		85
215	Nguyễn Thị Tuyết	13/5/1994	KP Trung Kỳ, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non			MN215	Phòng 08	Ca sáng	48		48
216	Trần Thị Tuyết	05/3/1985	KP Khang Phú, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP	Con bệnh binh	MN216	Phòng 08	Ca sáng	83	5	88
217	Lâm Thị Tuyết	02/9/1987	Thôn 2, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN217	Phòng 08	Ca sáng	73		73
218	Nguyễn Thị Tuyết	01/10/1991	Quảng Minh, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN218	Phòng 08	Ca sáng	55		55
219	Nguyễn Thị Tuyết	07/11/1987	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non		Con thương binh	MN219	Phòng 08	Ca sáng	82	5	87
220	Nguyễn Thị Tý	02/5/1984	Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN220	Phòng 08	Ca sáng	80		80

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
221	Nguyễn Thị Vân	07/4/1986	KP Khanh Tiến, Trung Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN221	Phòng 08	Ca sáng	91		91
222	Lê Thị Vân	20/6/1987	KP Hải Vượng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN222	Phòng 08	Ca sáng	88		88
223	Vũ Thị Vân	18/9/1989	KP Vinh Sơn, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN223	Phòng 08	Ca sáng	88		88
224	Trần Thị Vân	05/02/1991	KP Toàn Thắng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN224	Phòng 08	Ca sáng	80		80
225	Đặng Thị Vân	24/3/1985	Thôn 5, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mẫu giáo	HD theo QĐ 60 của TTCP	Con bệnh binh	MN225	Phòng 08	Ca sáng	88	5	93
226	Văn Thị Vân	26/12/1993	Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN226	Phòng 08	Ca sáng	86		86
227	Hà Thị Vinh	10/4/1981	KP Bắc Nam, Trường Sơn, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HD theo QĐ 60 của TTCP		MN227	Phòng 08	Ca sáng	91		91
228	Ngô Thị Thanh Xuân	20/02/1987	SN 36, đường Lê Hữu Lập, KP Lập Công, Bắc Sơn, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non			MN228	Phòng 08	Ca chiều	Vắng		Vắng
229	Nguyễn Thị Xuyến	11/9/1990	KP Hải Vượng, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Giáo dục Mầm non			MN229	Phòng 08	Ca chiều	16		16

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện nay	Trình độ chuyên môn		Hợp đồng theo QĐ60 của TTCP. NĐ 06 của CP, hợp đồng trước ngày 31/12/2015	Đối tượng ưu tiên cộng điểm	Số báo danh	Phòng phỏng vấn	Thời gian phỏng vấn	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
				Trình độ	Chuyên ngành đào tạo								
230	Nguyễn Thị Yên	20/5/1987	KP Tân Lập, Quảng Tiến, Sầm Sơn	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	HĐ giáo viên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 31/12/2015		MN230	Phòng 08	Ca chiều	62		62
231	Lê Thị Yên	08/8/1988	Xóm 3, Đông Quang, Đông Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN231	Phòng 08	Ca chiều	53		53
232	Nguyễn Thị Yên	25/01/1993	Thôn 6, Quảng Hùng, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN232	Phòng 08	Ca chiều	72		72
233	Cao Thị Yên	15/10/1986	KP Thượng Du, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN233	Phòng 08	Ca chiều	83		83
234	Lê Thị Yên	06/01/1986	KP Văn Phú, Quảng Thọ, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Giáo dục Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN234	Phòng 08	Ca chiều	76		76
235	Vũ Thị Yên	10/5/1985	KP Đông Đức, Quảng Vinh, Sầm Sơn	Đại học	Sư phạm Mầm non	HĐ theo QĐ 60 của TTCP		MN235	Phòng 08	Ca chiều	68		68